

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2021 - 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 9 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Xét Tờ trình số 145/TTr-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2021 - 2025, với tổng số vốn là 58.142 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương: 51.402 triệu đồng.
- Vốn ngân sách tỉnh, huyện: 5.140 triệu đồng (ngân sách tỉnh: 1.390 triệu đồng; ngân sách huyện: 3.750 triệu đồng).
- Vốn huy động ngoài ngân sách: 1.600 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục I, II đính kèm).

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối ngân sách đảm bảo mức vốn đối ứng tại Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng dự kiến phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng khóa X, kỳ họp thứ 9 (chuyên đề) thông qua ngày 30 tháng 8 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội (bộ phận phía Nam);
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính; LĐ-TB&XH;
- TT. TU, TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Hồ Thị Cẩm Đào



Phụ lục I

PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Chương trình, dự án	Tổng số	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025										Ghi chú
			Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương							
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh		Tổng số	Vốn đối ứng ngân sách huyện		Vốn huy động ngoài ngân sách	
				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		
TỔNG SỐ		58.142	51.402	51.402	0	1.390	1.390		3.750	3.750	0	1.600	
I	Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	42.850	37.500	37.500	0				3.750	3.750	0	1.600	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	42.850	37.500	37.500	0				3.750	3.750	0	1.600	
1.1	Huyện Kế Sách	42.850	37.500	37.500					3.750	3.750	0	1.600	
1.1.1	Đường giao thông nông thôn xã Xuân Hòa: tuyến cấp rạch Sao Sáo bờ bắc (nối tiếp); tuyến từ vàm Cái Cao - ngã ba Bào Càng (nối tiếp); tuyến cấp rạch Mật Cật; tuyến Rạch Miếu	8.500	7.500	7.500					750	750	0	250	Năm 2022



Số TT	Chương trình, dự án	Tổng số	Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương						Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				Vốn huy động ngoài ngân sách	
				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Tổng số	Vốn đối ứng ngân sách huyện			
									Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		
1.1.2	Đường giao thông nông thôn xã Nhơn Mỹ, Đường cặp Rạch Mương Siêu (Bờ Bắc) A31, Đường Rạch Mương Khai - Rạch Bàn (Bờ Bắc) A35, Đường Rạch Mương Khai - Rạch Bàn (Bờ Nam) A36, Đường Cặp Rạch Mương Siêu (Bờ Nam) A32	8.850	7.500	7.500				750	750	0	600	Năm 2022
1.1.3	Đường giao thông nông thôn xã Xuân Hòa: tuyến rạch Mương Ôi - Bờ Dọc (bờ nam); tuyến cặp kênh sáng Cái Côn thuộc bờ đông từ voi kênh xáng đến giáp ranh tỉnh Hậu Giang; tuyến rạch Bàu Càng (bờ nam); tuyến vàm Ba Tính - Rạch Miếu (nối tiếp)	8.500	7.500	7.500				750	750	0	250	Năm 2023
1.1.4	Đường giao thông nông thôn xã Xuân Hòa: tuyến Công Điền nhỏ (bờ nam); tuyến cặp rạch Ngã Lá; tuyến cặp sông Lung Sen Nhỏ; tuyến từ vàm Bàu Rắn đến vàm Cái Cao; tuyến ngã ba nghĩa trang - cầu thanh niên đoàn	8.500	7.500	7.500				750	750	0	250	Năm 2024
1.1.5	Đường giao thông nông thôn xã Xuân Hòa: tuyến vàm Ba Tính - Rạch Miếu (bờ đông); tuyến ngã tư trên - ngọn Mật Cật; tuyến Rạch Cách; tuyến cặp kênh Kinh cũ - giáp Ba Trinh (bờ tây); tuyến rạch Hai Cự	8.500	7.500	7.500				750	750	0	250	Năm 2025
II	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	15.292	13.902	13.902	0	1.390	1.390	0	0	0	0	0
1	Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững	15.292	13.902	13.902		1.390	1.390	0	0	0	0	0



Số TT	Chương trình, dự án	Tổng số	Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương							Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					Vốn huy động ngoài ngân sách		
				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Vốn đối ứng ngân sách tỉnh		Tổng số	Vốn đối ứng ngân sách huyện				
							Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp			
1.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	15.292	13.902	13.902		1.390	1.390	0	0	0	0	0	0	Từ năm 2022 đến năm 2025
1.1.1	<i>Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu</i>	15.292	13.902	13.902		1.390	1.390	0	0	0	0	0	0	Từ năm 2022 đến năm 2025

SỞ
TRADING

Phụ lục II

DANH MỤC VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021- 2025				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh, huyện, thị xã	Vốn huy động ngoài ngân sách	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Tổng cộng					58.142	51.402	58.142	51.402	5.140	1.600	
I	Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo					42.850	37.500	42.850	37.500	3.750	1.600	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo					42.850	37.500	42.850	37.500	3.750	1.600	
1,1	Đường giao thông nông thôn xã Xuân Hòa: tuyến cập rạch Sao Sáo bờ bắc (nối tiếp); tuyến từ vàm Cái Cao - ngã ba Bào Càng (nối tiếp); tuyến cập rạch Mật Cật; tuyến Rạch Miếu.	xã Xuân Hòa	1.470mx2,5m; 5.926mx2m;	2022	QĐ số 166/QĐ-UBND, ngày 20/6/2022	8.500	7.500	8.500	7.500	750	250	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021- 2025				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh, huyện, thị xã	Vốn huy động ngoài ngân sách	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1.2	Đường giao thông nông thôn xã Nhơn Mỹ, Đường cấp Rạch Mương Siêu (Bờ Bắc) A31, Đường Rạch Mương Khai - Rạch Bàn (Bờ Bắc) A35, Đường Rạch Mương Khai - Rạch Bàn (Bờ Nam) A36, Đường Cấp Rạch Mương Siêu (Bờ Nam) A32.	xã Nhơn Mỹ	6.190m x 2,5m	2022	QĐ số 167/QĐ-UBND, ngày 20/6/2022	8.850	7.500	8.850	7.500	750	600	
1.3	Đường giao thông nông thôn xã Xuân Hòa: tuyến rạch Mương Ôi - Bờ Dọc (bờ nam); tuyến cấp kênh sáng Cái Côn thuộc bờ đông từ voi kênh xáng đến giáp ranh tỉnh Hậu Giang; tuyến rạch Bàu Càng (bờ nam); tuyến vàm Ba Tính - Rạch Miếu (nối tiếp)	xã Xuân Hòa	2.500mx2m; 2.000mx2,5m; 700mx2m; 600mx1,6m	2023		8.500	7.500	8.500	7.500	750	250	
1.4	Đường giao thông nông thôn xã Xuân Hòa: tuyến Công Điền nhỏ (bờ nam); tuyến cấp rạch Ngã Lá; tuyến cấp sông Lung Sen Nhỏ; tuyến từ vàm Bàu Rắn đến vàm Cái Cao; tuyến ngã ba nghĩa trang cầu thanh niên đoàn	xã Xuân Hòa	1.000mx2m; 800mx2m; 1.400mx2m; 2.400mx2m; 2.800mx2m	2024		8.500	7.500	8.500	7.500	750	250	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021- 2025				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh, huyện, thị xã	Vốn huy động ngoài ngân sách	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1.5	Đường giao thông nông thôn xã Xuân Hòa: tuyến vòm Ba Tính - Rạch Miễu (bờ đông); tuyến ngã tư trên - ngọn Mật Cật; tuyến Rạch Cách; tuyến cấp kênh Kinh cũ - giáp Ba Trinh (bờ tây); tuyến rạch Hai Cự	xã Xuân Hòa	1.300mx2m; 1.600mx2m; 1.800mx2m; 2.300mx2m1.400mx2m	2025		8.500	7.500	8.500	7.500	750	250	
II	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững					15.292	13.902	15.292	13.902	1.390		
1	Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững					15.292	13.902	15.292	13.902	1.390		
1.1	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu			2022 - 2024		15.292	13.902	15.292	13.902	1.390		

